

VAI TRÒ CỦA HƯ TỪ TRONG VIỆC TẠO HÀM NGÔN

THE ROLE OF SOME EXPLETIVES IN CREATING IMPLICIT DISCOURSE

Đoàn Thị Tâm

Trường Đại học Tây Nguyên; doanthtam77@gmail.com

Tóm tắt - Hàm ngôn trong các ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt nói riêng, có vai trò rất quan trọng trong quá trình giao tiếp. Nó cho phép chúng ta nói những điều mà đôi khi không thể nói bằng ngôn ngữ một cách đầy đủ và chính xác. Do đó, trong giao tiếp người ta rất hay dùng lối nói hàm ngôn. Ngoài việc khai thác các chiến lược giao tiếp, vận dụng ngữ cảnh và dựa vào các mẫu câu thì việc sử dụng từ ngữ cũng được vận dụng nhiều trong việc tạo hàm ngôn. Trong đó, hư từ đóng vai trò rất quan trọng, đôi khi còn quan trọng hơn cả thực từ. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu và trình bày về một số hư từ (*nhưng, có, thì, cũng, nhé, mà*), chúng thường được sử dụng để tạo hàm ngôn trong giao tiếp.

Từ khóa - hàm ngôn; giao tiếp; hiển ngôn; chiến lược giao tiếp; hư từ.

Abstract - Implicit discourse in languages in general and in Vietnamese in particular has an important role in communication. It allows us to say things that sometimes can not be said explicitly and precisely. Therefore, in communication it is very common to use implicit speech discourse. In addition to the exploitation of communication strategies, using context and sentence structures, the use of words is also popular in the creation of implicit discourse. In particular, expletives play an important role, sometimes even more important than real words. This article studies some expletives such as *even, only, then, also, well, then etc.* which are often used to create implicit discourse in communication.

Key words - implicit discourse; communication; explicit discourse; communication strategies; expletives.

1. Đặt vấn đề

Theo ngữ pháp truyền thống, hư từ là những từ không có ý nghĩa chân thực mà chỉ có ý nghĩa ngữ pháp. Chúng không có khả năng một mình tạo câu cũng như không có chức năng gọi tên sự vật, thuộc tính, trạng thái của sự vật. Nhưng hư từ có khả năng biểu thị sự tăng hay giảm cách đánh giá, đồng thời thể hiện rõ thái độ chủ quan của người nói. Do đó, chúng có khả năng thể hiện hàm ngôn. Bài viết này đề cập đến một số hư từ có tần số xuất hiện cao và được sử dụng để tạo ra các hàm ngôn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm có liên quan

2.1.1. Vấn đề hàm ngôn

Hầu hết các nhà nghiên cứu đều nhận định nghĩa hàm ngôn là nghĩa không hiện ngay ra trên bề mặt phát ngôn, đối lập với nghĩa hiển ngôn là nghĩa hiện rõ từ hình thức bề mặt của phát ngôn. Nói một cách hiển ngôn là "nói một điều gì đó", nói một cách hàm ngôn là "làm cho ai đó nghĩ tới một điều gì đó". Hay nói cách khác: hiển ngôn là "cái người ta nói ra", còn hàm ngôn là "cái người ta muốn nói mà không nói ra".

Hoàng Phê cho rằng "chúng ta nói một điều này, nhưng lại muốn cho người khác từ đó hiểu ra một điều khác, hoặc hiểu thêm một điều khác nữa. Điều nói gián tiếp đó, chúng tôi đề nghị gọi là hàm ngôn, đối lập với hiển ngôn là điều nói ra trực tiếp. Khi một lời có hàm ngôn, thì ý hàm ngôn thường là quan trọng, thậm chí có khi hiển ngôn chỉ là dùng để nói hàm ngôn, ý hàm ngôn mới là ý chính" [3, tr.89].

Như vậy, trước một phát ngôn, người nghe tự hỏi: "Nói cái gì?" hay "Nói thế có ý gì?" tức là họ đang tìm hiểu về nghĩa hiển ngôn hay hàm ngôn của phát ngôn đó. Tùy vào mục đích phát ngôn và ngữ cảnh giao tiếp mà nghĩa hiển ngôn hay nghĩa hàm ngôn sẽ trở thành tiêu điểm của phát ngôn.

2.1.2. Vấn đề hư từ

Vốn từ tiếng Việt có thể được chia thành hai lớp: Thực

từ (danh từ, động từ, tính từ, đại từ và số từ) và hư từ (phụ từ, quan hệ từ và tình thái từ). Hư từ là "Từ không có khả năng độc lập làm thành phần cấu, được dùng để biểu thị quan hệ ngữ pháp giữa các thực từ" [4, tr.472].

Hư từ không nhiều bằng thực từ và chúng không có ý nghĩa định danh như thực từ. Vì không có ý nghĩa định danh nên chúng không có khả năng dùng độc lập cũng như không thể làm thành tố chính trong cụm từ và đảm nhận chức vụ cú pháp chính trong câu. Trong các từ loại thuộc về hư từ thì phụ từ và quan hệ từ là những tiểu loại có khả năng tạo hàm ngôn cao.

2.2. Một số hư từ có thường được sử dụng để tạo hàm ngôn

a. Những

Những thường đứng trước danh từ để chỉ ý nghĩa toàn thể. Nó còn được dùng để nhấn mạnh vào đối tượng để chỉ ý nghĩa nhiều hơn so với mức thông thường hoặc trong một quan hệ đối chiếu nào đó.

(1) Anh ta cao **những** 1m10.

1m10 thì không thể gọi là cao đối với một người trưởng thành. Dùng từ **những** ở đây rõ ràng là người nói có dụng ý đùa cợt, hài hước.

(2) Cô ấy ăn **những** ba bát cơm

Nếu không có **những** thì (2) đơn thuần chỉ là một câu kể trung tính, người nói sẽ không thể hiện một tình cảm hay một cách đánh giá nào. Nhưng với từ **những**, thì rõ ràng người nói có hàm ý đánh giá: "phụ nữ ăn ba bát cơm là nhiều".

b. Có

Có là một từ được sử dụng trước hoặc sau động từ hoặc tính từ. Có thường được dùng để tạo hàm ngôn với hai ý nghĩa:

- **Nhấn mạnh thêm sắc thái khẳng định về số lượng (ít):**

(3) Cô ta ăn **có** ba bát cơm.

Tương tự như ở (2), nếu không dùng từ **có** thì (3) cũng đơn thuần chỉ là một câu kể trung tính, người nói sẽ không thể hiện một tình cảm hay một cách đánh giá nào. Tuy nhiên, khi ở (3), **có** được xem xét với vai trò là một phụ từ.

Về phương diện này, *có* thể hiện sự đánh giá ít về đối tượng được đề cập đến so với mức thông thường hoặc trong quan hệ đối chiếu nào đó, mà cụ thể là đối lập với *những* (nhiều).

Nhờ nét nghĩa "ít" của từ *có* mà chúng ta biết rằng người nói muốn nói rằng: cô ấy ăn cơm rất ít (phụ nữ làm nông mà ăn như vậy thì không đủ sức làm việc).

- **Nhấn mạnh thêm sắc thái phủ định (xem phân tích ví dụ (4) dưới đây).**

c. Thì

- "Thì" thể hiện sự bác bỏ: "P thì có"

(4) Thừa một con thì có

Một anh ngốc ra chợ mua được một đàn bò sáu con, ngồi lên lưng con đầu đàn rồi dắt cả đàn về. Giữa đường, ngốc ta nhìn lại đàn bò đằng sau, đếm, một hai, ba... Một, hai, ba, bốn... năm, đếm đi đếm lại năm bảy lượt, Ngốc ta vẫn thấy có năm con. Cuống lên, Ngốc ta vật đầu, vật tai, nhưng không biết làm thế nào cả.

Về đến nhà, thấy vợ đứng chờ ở cổng, Ngốc ta vẫn ngồi trên lưng bò mếu máo nói:

- Chết mất thôi! Tôi đánh mất một con bò rồi!(Q)

Vợ hỏi:

- Mua mấy con mà để mất một con?

Ngốc ta chỉ đàn bò năm con theo sau:

- Sáu con, bây giờ chỉ còn có năm.

Chị vợ vừa cười, vừa nói:

- Thừa một con thì có! (P) [2, tr.175].

Lời nói của chị vợ có hiển ngôn là: "thừa một con". Chị ta nói như vậy vì trước đó có một phát ngôn Q mang nội dung: "Tôi đánh mất một con bò rồi". Chị vợ bác bỏ Q theo cách diễn đạt ý kiến P của mình: "Thừa một con thì có". Nhưng xét số lượng bò trên thực tế thì không thừa không thiếu. Vậy thì con bò thừa đâu? Dựa vào hiển ngôn ta có thể hiểu được hàm ý của chị vợ: "Anh Ngốc chính là con bò thừa". Không biết đến bây giờ anh Ngốc đã hiểu là tại sao lại thừa một con chưa!?

Như vậy, *có* ở (3) biểu thị sự đánh giá "ít", còn *có* ở (4) kết hợp với *thì* để biểu thị sự phủ định.

- Sự chấp nhận và đối đáp: "Y thì không"

(5) Hai cô gái đều đi học xa nhà, cả hai cô đều có người yêu ở quê. Thấy bạn mình buồn, một cô hỏi:

A: Chắc nhớ người yêu lắm chứ gì (x)?

B: Còn cậu *thì* không (y)!

Như vậy, B không chỉ chấp nhận ý kiến của A, tức là cô gái đã thừa nhận rằng mình *nhớ người yêu* và còn hàm ý rằng câu nói của A là vô nghĩa vì "cậu thì không" có nghĩa là "cậu cũng nhớ như tớ". Mô hình trên vừa thể hiện sự chấp nhận vừa để đối đáp.

- "Thì" dùng để nói mỉa

Nói mỉa là lối nói đầy nghiêng, không thành thực. Người nói ngụ ý phê phán châm chọc hay đã kích một người nào đó, có thể hiểu được ngụ ý bằng việc dựa vào ngữ cảnh hoặc thực tế khách quan.

Mô hình 1:

A: "C thì x"

B: "còn A thì y"

Ở mô hình này, x mang nét nghĩa âm (-); còn y mang nét nghĩa dương (+). Hội thoại kiểu này thường có 3 đối tượng: A, B và C. Trong đó, A là người phát ngôn: "C thì x" với hàm ý chê C; B là người phát ngôn "Còn A thì y" với nghĩa hiển ngôn là khen vì y mang nét nghĩa dương (+). Còn C là một đối tượng có thể có mặt trực tiếp hoặc gián tiếp trong hội thoại. Hàm ngôn của mô hình này là mỉa mai, châm biếm những người thường hay chê bai, dèm pha người khác, trong khi bản thân mình lại không bằng họ.

(6) Các cô gái bàn tán với nhau về một số ca sĩ biểu diễn trong chương trình "Duyên dáng Việt Nam": Cô X thì lùn, cô Y thì béo, cô H thì gò má cao... Một anh nghe thấy thế liền nói: "Còn các cô thì đẹp!".

Như vậy, các cô gái là A. Các cô bàn tán về các ca sĩ "C thì x" và x là: lùn, béo, gò má cao..., x mang nét nghĩa "xấu". Còn B là anh chàng nào đó đã nói: "Còn A thì y", y mang nét nghĩa tốt (đẹp). Nhưng trong hoàn cảnh này thì không phải anh chàng kia thật lòng khen các cô gái kia mà anh ta muốn nói rằng "Các cô thì có đẹp hơn ai mà đi chê người khác".

- "Thì" dùng để nói dối

Mô hình 2:

A: "C thì x"

B: "còn B thì y"

Ngược lại với mô hình 1, ở mô hình 2, x mang nét nghĩa âm (-); còn y mang nét nghĩa dương (+). Hội thoại kiểu này cũng thường có 3 đối tượng: A, B và C. Trong đó, A là người phát ngôn: "C thì x" với hàm ý khen C; B là người phát ngôn "C thì x còn B (còn tôi) thì y" với nghĩa hiển ngôn là chê vì y mang nét nghĩa dương (-). Còn C là một đối tượng có thể có mặt trực tiếp hoặc được nói đến trong hội thoại. Đây là kiểu *nói dối*. *Nói dối* cũng là lối nói không thành thật. Người nói thường dành cho đối tượng khác những thuộc tính tốt và nhận về mình những thuộc tính không tốt. Tuy nhiên, đây không phải vì người nói sử dụng phương châm khiêm tốn trong nguyên tắc lịch sự mà chính là hành vi nói dối. Người nói tự nhận mình có thuộc tính âm nhưng sự thật có khi lại không phải vậy hoặc trong thâm tâm lại không muốn thế.

(7) Chồng nói với vợ:

- Vợ anh Nam nấu ăn ngon thật đấy!

- Vâng! Cô ấy nấu ăn ngon, còn vợ anh *thì* vụng về.

Có thể cô vợ là một người vụng về thật, hoặc cũng có thể không phải là như vậy. Nhưng trong câu nói này rõ ràng là cô vợ đã nói dối: "Vì sao anh lại khen người phụ nữ khác trước mặt vợ mình? (Hay là anh chê vợ anh nấu ăn dở?).

- "Thì" để thể

Thê là "nói chắc, hứa chắc một cách trịnh trọng; viện ra vật thiêng liêng hay cái quý báu nhất (như danh dự, tính mạng) để bảo đảm" [4, tr.932].

Mô hình: "Nếu x thì y", "Tôi mà x thì tôi y".

- "Nếu x thì y"

(8) Bao giờ chạch đẻ ngon đa

Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình (Ca dao).

Nếu x, tức là nếu *chạch đẽ ngọn đa, sáo đẽ dưới nước*. Người nói đã đưa ra những điều trái với thực tế khách quan (chạch không bao giờ đẽ ngọn đa, sáo không bao giờ đẽ dưới nước) để đảm bảo cho lời thề của mình. Do đó, hàm ngôn là sẽ không bao giờ y, tức là "không bao giờ có chuyện ta lấy mình".

- "*Tôi mà x thì tôi y*"

(9) *Nếu tôi mà nói sai thì tôi là con chó!*

Thực tế thì người không bao giờ biến thành chó cả. Tuy vậy, người nói vẫn cố ý đưa ra một việc không bao giờ có thực như vậy để đảm bảo rằng: mình không bao giờ nói sai. Có các kiểu thề tương tự như "Tao mà nói sai thì tao đi đầu xuống đất", "Tao mà nói sai thì tao bé thành con kiến", "Tao mà nói dối thì tao làm con cho mày"...

Hãy xét lời thề dưới một biến thể khác:

(10) *Tôi mà có nói dối ai*

Thì trời đánh chết cây khoai giữa đồng (Ca dao)

Như ta đã biết, lời thề chỉ có ý nghĩa khi hậu quả phải gắn liền với chủ thể, thiết nghĩ ở đây hậu quả lại chĩa đích đáng gì đến chủ thể phát ngôn. Và như vậy, hàm ngôn ở đây là: "Tôi không chịu trách nhiệm về lời thề của mình" hoặc "Tôi đang nói dối". Cho nên sẽ không có cách thề lộ liễu kiểu như: "Tao mà có nói dối thì mày làm con tao".

d. Cũng

- "*Cũng*" thể hiện ý tuyệt đối

Cũng kết hợp với các từ phiếm chỉ như: *nào, gì, sao...* có hàm ý điều được đề cập mang ý tuyệt đối.

(11) - *Sách nào Nam cũng thích đọc* (Nam thích đọc tất cả các sách).

- *Món nào Ba làm cũng ngon* (Tất cả các món Ba làm đều ngon).

• "*Cũng*" được dùng để đối chiếu

Nếu hai đối tượng A và B có thuộc tính C giống nhau, người ta có ý thể hiện đối chiếu B với A thông qua C. Từ **cũng** luôn đứng trước từ biểu hiện thuộc tính chung dùng để đối chiếu: "A có thuộc tính C, B cũng có thuộc tính C".

(12) **Ý nghĩa của từ "cũng"**

Thầy giáo nói với một phụ huynh:

- *Thưa bà, tôi lấy làm buồn báo tin cho bà hay rằng con trai bà quay cốp bài của bạn bên cạnh trong giờ kiểm tra.*

- *Sao? Thầy lấy cớ gì mà nói như vậy?*

- *Vì chúng có những lỗi giống nhau!*

- *Nhưng có thể là đứa bên cạnh quay bài của con tôi!*

- *Ồ, không đâu, thưa bà! Bà hãy nghe tôi nói đây:*

Trong giờ kiểm tra địa lí, tôi đã ra câu hỏi: Đảo Acores ở đâu? Đứa bên cạnh trả lời trong bài kiểm tra: "Em không biết!", còn con bà trả lời: "Em cũng không biết!" [6, tr.29].

Dựa vào từ **cũng**, thầy giáo đã phát hiện ra đúng đối tượng nào đã nhìn bài, đối tượng nào bị nhìn bài. Tuy nhiên, câu trả lời của cậu bé không chỉ là một bằng chứng hiển nhiên về việc nhìn bài của bạn mà nó còn chứng tỏ rằng cậu ta rất ngốc. Vì nếu không biết thì thôi, ai lại đại đến mức ghi một câu ngớ ngẩn như vậy vào bài của mình bao giờ!

e. Nhé

- *Nhường quyền quyết định cho người nghe*

(13) *Tôi đọc cho cả nhà nghe nhé!*

Sự xuất hiện của từ **nhé** cho thấy sự nhún nhường của người nói. Còn phần quyết định sẽ phụ thuộc vào người nghe. Nếu người nghe đồng ý thì có thể im lặng hoặc đưa ra một câu nói khác đề tỏ vẻ đồng tình, chẳng hạn như: "*Cô phải đọc to lên đấy!*". Còn nếu người nghe không chấp nhận lời đề nghị đó thì người nghe có thể phản đối bằng các lí do khác. Chẳng hạn: "*Chúng tôi đều đọc cả rồi!*" hoặc "*không cần thiết phải đọc đâu!*". Như vậy, đồng ý hay phản đối là quyền của người nghe, còn người nói không hề được quyết định.

- *Hàm ý đe dọa, cảnh báo người nghe*

(14) - *Bắt được mày rồi nhé!*

- *Chuyến này thì chết với tao nhé!*

Khi nghe những thông tin có dạng như vậy chắc chắn người nghe sẽ có một chút gì đó lo lắng vì những thông tin sau đó không ít thì nhiều sẽ có liên quan không tốt đến mình.

Quả nhiên, với tư cách là tiểu từ cuối câu, **nhé** còn lệ thuộc rất nhiều vào ngữ nghĩa của phát ngôn. Nhưng như đã phân tích ở các ví dụ (13) và (14) thì **nhé** còn có thể kết hợp với một số từ ngữ khác cho ta những biểu thức có thể khả năng tạo ra hàm ngôn.

f. Mà

Mà là một hư từ xuất hiện với tần số cao trong các văn bản. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá ý nghĩa của phát ngôn. Tuỳ vào mục đích của người nói, từ **mà** được dùng trong rất nhiều trường hợp.

• *Dùng để bác bỏ*

(15) *Câu chuyện về nhà viết kịch B.Shaw: Một hôm B.Shaw gặp một thiếu phụ rất xinh đẹp, ăn mặc rất mát và trên đầu đội một chiếc nón rất tiền. Nhìn thấy B.Shaw ăn mặc xuề xòa, và trên đầu đội một chiếc nón không ra nón, mũ không ra mũ, thiếu phụ nói:*

- *Ông đội cái gì trên đầu đấy?*

- *Cái nón chứ là cái gì, B.Shaw trả lời.*

- *Trời, cái này mà ông gọi là cái nón à?*

B.Shaw nhìn kĩ cái nón thiếu phụ đội, thông thả đáp:

- *Thế cái nằm dưới cái nón của bà mà bà dám gọi là cái đầu à? [Dẫn theo 5, tr.100].*

Trong đoạn đối thoại trên có ba phát ngôn chứa đựng hàm ngôn nhưng ở đây chúng ta chỉ đi vào phát ngôn có chứa từ "mà". Mặc dù B.Shaw đã giải thích cặn kẽ "*Cái nón chứ là cái gì?*" nhưng thiếu phụ cũng không chấp nhận. Bà ta đã dùng từ "mà" và cách hỏi vặn vẹo để bác bỏ: "*cái này mà ông gọi là cái nón à?*" một cách rất thuyết phục và ngầm nói rằng: "*Cái trên đầu tôi mới là cái nón*". Bởi vì như đã nói ở trước là B.Shaw "đội một chiếc nón không ra nón, mũ không ra mũ".

Ta cũng thường nghe những câu như: *Nó mà đẹp gì!* Thì có nghĩa là người nói đã bác bỏ cái nhan sắc của đối tượng được nói đến.

- "*Mà*" nối giữa hai vế câu đối nghịch

(16) *Cô ấy còn trẻ mà tóc đã bạc.*

Người còn trẻ mà tóc bạc là một điều trái với quy luật tự nhiên. Vậy tuy vào từng ngữ cảnh cụ thể mà người nói thể hiện dụng ý của mình, có thể là:

+ Chê cô ấy xấu máu. Hoặc:

+ Nuối tiếc (Nếu tóc cô ấy không bạc thì cô ấy tuyệt biết chừng nào!).

(17) *Nói vậy mà không phải vậy.*

Hai vế này không chỉ nghịch về mặt hình thức mà còn nghịch về mặt ý nghĩa: nói thì nói như vậy, nghe cũng rõ ràng là như vậy nhưng thực chất thì không phải như vậy.

Với chức năng nói giữa hai vế đối nghịch, **mà** còn được dùng trong những câu khẳng định, câu phủ định:

(18) - *Con bé kia trông đẹp chưa kìa!*

- *Đẹp gì mà đẹp!*

Người nói đã phủ định bằng một câu cách đưa ra mang hàm ý đánh giá: "Nó không đẹp lắm", "Nó chưa phải là đẹp".

Hay:

(19) - *Anh hứa là không ghen đâu nhé!*

- *Tôi mà ghen!* (Khẳng định: Tôi không bao giờ ghen vì thế tôi sẽ giữ lời nên không cần phải hứa).

3. Kết luận

Như trên đã nói, hư từ không có ý nghĩa định danh mà chỉ có ý nghĩa ngữ pháp. Tuy nhiên, chính vai trò này của hư từ lại trở thành "*phương tiện để diễn đạt quan hệ giữa các khái niệm trong tư duy theo cách thức bằng ngôn ngữ của người Việt*" [1, tr.23]. Trong giao tiếp, hư từ có khả năng kết hợp với các thực từ để biểu thị những ý nghĩa khác nhau trong phát ngôn. Đặc biệt, trong những câu nói có hàm ngôn thì thành phần chính tạo ra ý nghĩa hàm ngôn thường là các hư từ chứ không phải là các thực từ. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của hư từ trong giao tiếp nói riêng và trong ngôn ngữ nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Biên (1999), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nhà xuất bản GD.
- [2] Trương Chính- Phong Châu (2004), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
- [3] Hoàng Phê (2003), *Logic- Ngôn ngữ học*, Nxb Đà Nẵng.
- [4] Hoàng Phê (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- [5] Trịnh Sâm - Nguyễn Ngọc Thanh (1997), *Tiếng Việt thực hành và kỹ năng soạn thảo văn bản*, Đại học Kỹ thuật Dân lập - Công nghệ, TPHCM.
- [6] Nguyễn Văn Tứ (1996), *Chuyện vui chữ nghĩa*, Nxb Văn hoá Thông tin, HN.

(BBT nhận bài: 10/08/2016, phản biện xong: 29/08/2016)